

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU**
Bản án số: 88/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 10 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA- VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bành Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trịnh Thị Mai Hương
2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 328/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1974 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đ, sinh năm: 1967 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ A, ấp B, xã C, huyện X, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 - 6 - 2018, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không tổ chức lễ cưới nhưng có tổ chức đính hôn. Bà T và ông Đ chung sống với nhau hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung nên hay ra xích mích, cãi vã, xúc phạm nhau. Ông Đ hay nhậu nhẹt, chửi bới, đánh đập bà T một vài lần gây thương tích. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại hòa giải mâu thuẫn với nhau để xây

dựng gia đình hạnh phúc nuôi dạy con cái nhưng không thành mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà T và ông Đ sống ly thân từ năm 2017 đến nay tuy vẫn sống chung một nhà.

Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đ.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ có 03 con chung là Nguyễn Đ1, sinh ngày: 19/9/1991; Nguyễn Đ2, sinh ngày: 01/5/1994 và Nguyễn Đ3, sinh ngày: 10/10/2005. Cháu Đ1 và cháu Đ2 đã trưởng thành. Nếu ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đ3 đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Nguyễn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện, được hai bên gia đình đồng ý, không tổ chức lễ cưới nhưng có tổ chức đính hôn. Ông Đ và bà T sống với nhau hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn đến mức phải ly hôn. Ông Đ cũng có nhậu nhẹt, một vài lần đánh đập bà T gây thương tích nhưng từ khi bà T nộp đơn ly hôn đến nay, ông Đ đã ít nhậu nhẹt và thay đổi theo chiều hướng tích cực hơn. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ thì ông Đ không đồng ý.

Về con chung: Ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T có 03 con chung là Nguyễn Đạt, sinh ngày: 19/9/1991; Nguyễn Đoàn, sinh ngày: 01/5/1994 và Nguyễn Đô, sinh ngày: 10/10/2005. Cháu Đ1 và cháu Đ2 đã trưởng thành. Nếu ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đ3 và theo nguyện vọng của cháu Đô muốn sống với bà T thì ông Đ đồng ý giao cháu Đô cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ông Đ không cấp dưỡng nuôi cháu Đô.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Đ và bà Nguyễn Thị Ngọc T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ là vợ chồng. Về con chung, giao cháu Nguyễn Đ3, sinh ngày: 10/10/2005 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng; ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, bà T và ông Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà Nguyễn Thị Ngọc T chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc triệu tập hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đ.

[2] *Về thẩm quyền*: Xét yêu cầu của nguyên đơn, khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, bị đơn cư trú tại huyện Xuyên Mộc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, quy định tại Điều 28, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ đều cho rằng ông bà tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991, được hai bên gia đình đồng ý, không tổ chức lễ cưới mà chỉ tổ chức lễ đính hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Theo bà T, trong quá trình sống chung đến năm 2016 thì ông bà xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung nên xảy ra xích mích, cãi vã, xúc phạm nhau. Ông Đ hay nhậu nhẹt, chửi bới, đánh đập bà T gây thương tích một vài lần. Hai bên đã nhiều lần ngồi lại hòa giải mâu thuẫn với nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc nuôi dạy con cái nhưng không thành mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, bà T yêu cầu ly hôn với ông Đ. Còn ông Đ cho rằng giữa ông Đ và bà T không có mâu thuẫn gì lớn nhưng thừa nhận có một vài lần đánh đập bà T gây thương tích.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy, trong thời gian chung sống bà T và ông Đ hay xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Đ thường xuyên nhậu nhẹt, không lo lắng cho gia đình, địa phương có mời vợ chồng ra hòa giải nhiều lần ông Đ hứa bỏ nhậu nhẹt nhưng về nhà vẫn không thay đổi dẫn đến hôn nhân rạn nứt, không hàn gắn được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ chung sống với nhau vào năm 1991 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp

lý”. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Do đó, HĐXX cần xử không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ là vợ chồng, là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ có 03 con chung là Nguyễn Đ1, sinh ngày: 19/9/1991; Nguyễn Đ2, sinh ngày: 01/5/1994 và Nguyễn Đ3, sinh ngày: 10/10/2005. Cháu Đ1 và cháu Đ2 đã trưởng thành. Về việc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đ3, xét thấy bà T có nơi ở, công việc, thu nhập ổn định và theo nguyện vọng của cháu Đ3 muốn sống cùng bà T nên giao cháu Đ3 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về án phí:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí theo án phí không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 và các Điều 14, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận mối quan hệ giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ có 03 con chung là Nguyễn Đạt, sinh ngày: 19/9/1991; Nguyễn Đoàn, sinh ngày:

01/5/1994 và Nguyễn Đô, sinh ngày: 10/10/2005. Cháu Đ1 và cháu Đ2 đã trưởng thành.

Giao cháu Nguyễn Đ3, sinh ngày; 10/10/2005 cho bà Nguyễn Thị Ngọc T chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Đ xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002932 ngày 25/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

Trong hạn 15 ngày, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ, Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Bành Thị Thu Hà